TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 179/2018/DS-ST
Ngày: 17/9/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đoàn Văn Hiển.
2. Ông Nguyễn Thanh Tiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 08, ấp VQ, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Lệ T, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: Số 433, tổ 18, ấp VQ, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang.

(Bà P có mặt, ông C và bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Kim P trình bày ý kiến như sau:

Ngày 13/3/2016 âm lịch nhằm ngày 09/04/2016 dương lịch ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Lệ T có thỏa thuận vay của bà P số tiền 20.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 1,1%/tháng, thời hạn trả là 03 tháng nhằm ngày 13/6/2016 (âm lịch), khi vay có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 64, tờ bản đồ số 34, có diện tích 48,4m2 do ông Nguyễn Văn C đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 01/04/2011, sau khi lập biên nhận vay tiền thì ông C và bà T có trả cho bà 1.000.000đ, nhưng khi đến hạn ông C và bà T không trả đủ số tiền đã vay và cũng không trả lãi. Nay bà P khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C, bà T phải trả lại

cho bà P số tiền nợ vay là 19.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 09/04/2016 dương lịch cho đến nay.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Lệ T vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Kim P kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Lệ T trả cho bà P số tiền nợ vay là 19.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc loại kiện về tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Châu Phú, hơn nữa giao dịch dân sự cũng được thực hiện tại huyện Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ kiện không bắt buộc phải thông qua hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn nên bà Nguyễn Kim P làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn đúng quy định.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại Điều 175 và Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bà P có mặt, ông C và bà T vắng mặt lần thứ 02 không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C và bà T là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: Xét thấy, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về phần vốn vay: Hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Kim P với vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Lệ T thực tế đã xảy ra, thể hiện qua giấy xác nhận vay vốn và biên nhận vay tiền có chữ ký và dấu lăn tay của vợ chồng ông C, bà T, theo đó vợ chồng ông C, bà T có thỏa thuận vay của bà P 20.000.000đ vào ngày 13/3/2016 âm lịch nhằm ngày 09/04/2016 dương lịch, thỏa thuận lãi suất 1,1%/tháng, thời hạn trả là ngày 13/6/2016 âm lịch, nhưng từ ngày vay đến nay vợ chồng ông C, bà T chỉ trả được 1.000.000đ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do vậy việc bà P kiện yêu cầu vợ chồng ông C, bà T phải có trách nhiệm trả cho bà P tiền vốn vay 19.000.000đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về phần lãi suất vay: Bà P yêu cầu vợ chồng ông C, bà T phải trả lãi suất cho bà P theo quy đỉnh của pháp luật tính từ ngày 09/04/2016 dương lịch cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là phù hợp với pháp luật nên chấp nhận, do tại thời điểm giao kết hợp đồng giữa các bên được xác lập trước khi khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng lãi suất theo quy định Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

* Như vậy phần lãi suất được tính như sau:

- Từ ngày 13/03/2013 âm lịch nhằm ngày 09/04/2013 dương lịch đến ngày 09/7/2016 dương lịch là 03 tháng (lãi suất trong hạn): 19.000.000đ x 0,75 %/tháng x 03 tháng = 427.500đ.

- Từ ngày 10/7/2016 dương lịch đến ngày xét xử là ngày 17/9/2018 dương lịch là 26,5 tháng (lãi quá hạn): 19.000.000đ x 1,125%/tháng x 26,5 tháng = 5.664.000đ.

- Tổng lãi suất phải trả từ ngày vay đến nay: Lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn: 6.091.500đ.

Như vậy tổng số tiền vốn và lãi suất ông C và bà T phải trả cho bà P: vốn 19.000.000đ và lãi 6.091.500đ, tổng cộng 25.091.500đ.

[2.3] Về phần tài sản thế chấp: Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 64, tờ bản đồ số 34, có diện tích 48,4m2 do ông Nguyễn Văn C đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 01/04/2011 mà vợ chồng ông C, bà T thế chấp cho bà P, hiện bà P đang giữ, xét thấy đây là giao dịch dân sự vô hiệu nên bà P phải có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông C, bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất thửa số 64, tờ bản đồ số 34, có diện tích 48,4m2 do ông Nguyễn Văn C đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 01/04/2011 nói trên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận, hơn nữa bà P là người cao tuổi nên bà P không phải chịu án phí theo quy định.

Vợ chồng ông C, bà T phải chịu 1.254.500đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; căn cứ khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim P đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Lệ T.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Lệ T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim P số tiền 25.091.500đ (hai mươi lăm triệu, không trăm chín mươi mốt ngàn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông C, bà T phải chịu 1.254.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hậu